

của máy khoảng 45 - 60 triệu đồng, chỉ bằng phân nửa so với giá máy ngoại nhập. Sản phẩm này rất thu hút sự quan tâm của khách hàng tại "Techmart Sáng chế và kết quả nghiên cứu sẵn sàng chuyển giao" do Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP. HCM tổ chức đầu tháng 7/2015. Hiện Thanh Trĩ đang sản xuất và đưa ra thị trường trong nước khoảng 25 máy/năm và dự kiến 2015 sẽ xuất khẩu 10 máy.

Cùng với thị trường các tỉnh Tây Nguyên và miền Đông Nam Bộ, máy móc của Thanh Trĩ đã được sử dụng ở một số tỉnh phía Bắc và

Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, theo nhận định của Công ty, thị trường cơ khí ứng dụng cho nông nghiệp Việt Nam vẫn chưa thực sự được coi trọng, nông dân có phần bị bỏ rơi về mặt công nghệ. Đây chính là mảng còn nhiều khoảng trống, thị trường rất rộng cho các doanh nghiệp cơ khí. Trong khi Thanh Trĩ chỉ là doanh nghiệp nhỏ và đang trong quá trình phát triển nên còn gặp nhiều khó khăn, lớn nhất là nguồn lực con người và tài chính (đội ngũ cán bộ sáng tạo và kỹ thuật sản xuất chỉ vỏn vẹn 15 người). Vì Công ty đặt trụ sở tại Lâm Đồng nên khá khó khăn trong việc

thu hút nhân lực chất lượng cao, gắn bó lâu dài. Nguồn vốn hiện tại chủ yếu tích góp từ mua bán sản phẩm chế tạo, nhưng phần lớn lợi nhuận được sử dụng để tái đầu tư phục vụ công tác chế tạo, nên không đủ lực để phát triển mạnh, nhiều dự án sáng tạo nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa có vốn để đầu tư. Do vậy, Thanh Trĩ mong có được những hỗ trợ thiết thực từ Nhà nước để có điều kiện nâng cao năng lực sản xuất, sáng tạo ra các sản phẩm có khả năng ứng dụng cao cho nông nghiệp hiện đại, thúc đẩy quá trình cơ giới hóa nông nghiệp. □

Một số văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ tài nguyên và môi trường biển

◇ MINH ANH

Việt Nam có bờ biển dài 3.260 km và hàng ngàn hòn đảo lớn nhỏ khác nhau. Đã từ lâu, Chính phủ Việt Nam luôn coi trọng việc bảo vệ tài nguyên và môi trường biển. Năm 1994 Việt Nam tham gia Công ước Luật Biển 1982, năm 2002 tham gia ký Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông giữa ASEAN và Trung Quốc (DOC 2002),... Nhiều văn bản quy phạm phù hợp với pháp luật quốc tế, quy định cụ thể về các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền của Việt Nam cũng như vấn đề phát triển kinh tế biển, quản lý và bảo vệ biển, đảo nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, đảo cũng đã được ban hành.

Quyết định số 23/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ban hành Quy chế phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Ngày ban hành: 26/4/2013

Ngày hiệu lực: 15/6/2013

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo

(TN&BVMTBĐ) giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan và UBND các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương.

Nội dung phối hợp gồm: xây dựng, thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ; lập và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng TN&BVMTBĐ; quản lý thống nhất hoạt động điều tra cơ bản TN&BVMTBĐ; phòng ngừa, ngăn chặn, kiểm soát ô nhiễm và ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển, hải

đảo; tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về TN&BVMTBĐ; hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ.

Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, ngành từ Trung ương có liên quan đến UBND các tỉnh, thành phố ven biển trực thuộc Trung ương không chỉ đảm bảo tăng cường hiệu quả công tác quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ mà còn nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm TN&BVMTBĐ, bảo đảm phát triển bền vững.

Thông tư số 28/2012/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Quy định về nội dung, chế độ báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển, hải đảo.

Ngày ban hành: 28/12/2012

Ngày hiệu lực: 19/02/2013

Thông tư quy định, báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ của bộ, ngành và ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập theo Phụ lục số 01 (kèm theo Thông tư).

Nội dung báo cáo phải phản ánh được thực trạng của vấn đề báo cáo, kết quả triển khai thực hiện, những thuận lợi, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân, đề xuất và kiến nghị các giải pháp khắc phục. Những nội dung đề xuất, kiến nghị phải dựa trên cơ sở thực tiễn và có tính khả thi.

Theo đó, nội dung báo cáo của bộ, ngành bao gồm tổng quan tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ; kết quả triển khai thực hiện và đề xuất, kiến nghị.

Nội dung báo cáo của ủy ban nhân dân cấp tỉnh bao gồm những nội dung như của bộ, ngành và những khó khăn vướng mắc, tồn tại, bất cập, mâu thuẫn chống chọi giữa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ qua thực tiễn quản lý tại địa phương; kết quả công tác thi hành các văn bản quy phạm pháp luật; những mâu thuẫn, xung đột trong hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường giữa các ngành, lĩnh vực khai thác, sử dụng tài nguyên biển, hải đảo và ảnh hưởng của những xung đột mâu thuẫn đến các hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên môi trường trên địa bàn địa phương; các đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục phù hợp, hiệu quả.

Luật số 82/2015/QH13 của Quốc hội: Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Ngày ban hành: 25/6/2015

Ngày có hiệu lực: 01/7/2016

Phạm vi điều chỉnh của Luật quy định về quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ Việt Nam.

Luật xác định Nhà nước Việt Nam bảo đảm tài nguyên biển và hải đảo được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả, bền vững theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nhà nước huy động các nguồn lực, khuyến khích đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; ưu tiên cho vùng biển sâu, biển xa, hải đảo, vùng biển quốc tế liền kề và các tài nguyên mới có tầm quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia khai thác, sử dụng bền vững TN&BVMTBĐ. Tăng cường kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong việc kiểm soát ô nhiễm, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường biển và hải đảo, biến đổi khí hậu, nước biển dâng; quản lý chặt chẽ các hoạt động nhận chìm ở biển. Đầu tư nâng cao năng lực quan trắc, giám sát, dự báo về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tổng hợp, đồng bộ về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo phục vụ phát triển kinh tế biển, quốc phòng, an ninh. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia; Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Những hành vi bị cấm theo luật này là: khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo trái quy định của pháp luật; vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố; lợi dụng việc điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng

tài nguyên biển và hải đảo làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác; thực hiện các hoạt động bị nghiêm cấm trong hành lang bảo vệ bờ biển quy định tại Điều 24 và trên quần đảo, đảo, bãi cạn lúc chìm lúc nổi, bãi ngầm phải bảo vệ, bảo tồn quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 41 của Luật này; hủy hoại, làm suy thoái môi trường, hệ sinh thái biển, hải đảo; nhận chìm vật, chất ở vùng biển Việt Nam mà không có giấy phép, trái quy định của pháp luật; cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo không đúng quy định của pháp luật; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo.

Luật cũng xác định, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm điều tra, đánh giá sức chịu tải môi trường của khu vực biển, hải đảo ở vùng rủi ro ô nhiễm cao hoặc rất cao; công bố các khu vực biển, hải đảo không còn khả năng tiếp nhận chất thải; công khai thông tin môi trường biển và hải đảo theo quy định của pháp luật. Bộ Tài nguyên và Môi trường, các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm quan trắc, đánh giá tình trạng ô nhiễm môi trường biển và hải đảo, hiện trạng chất lượng nước, trầm tích, các hệ sinh thái và đa dạng sinh học của các khu vực biển và hải đảo; điều tra, thống kê, phân loại, đánh giá các nguồn thải từ đất liền và từ các hoạt động trên biển và hải đảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Định kỳ hằng năm, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm lập báo cáo về quản lý tổng hợp TN&BVMTBĐ trình Chính phủ. Các bộ, ngành có trách nhiệm lập báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biển có trách nhiệm báo cáo tình hình quản lý hoạt động điều tra cơ bản, khai thác, sử dụng TN&BVMTBĐ, quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý. □